

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH P**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/DS-ST

Ngày 18/02/2022

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH P**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh TT

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Hùng TT

2. Bà Đặng Hồng Ch

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đào Thị H - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P tham gia phiên tòa:
Bà Trần Khánh H - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ L số: 135/2021/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2022/QĐST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thùy D, sinh năm 1982

Nơi ĐKKHKT: Tổ 12, phố Long Châu Sa, phường Thọ Sơn, thành phố V, tỉnh P.

Hiện nay đang ở: Khu 12, xóm Mộ Xi, xã Trung Vương, thành phố V, tỉnh P.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1989

Địa chỉ: Đội 12, xã Trung Vương, thành phố V, tỉnh P.

(Chị D có mặt, chị L vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Thị Thùy D trình bày: Do có mối quan hệ quen biết hàng xóm với nhau, nên từ ngày 06/11/2020 chị có cho chị Nguyễn Thị L vay tiền để đáo hạn ngân hàng cho khách hàng, vì vậy chị đã đồng ý cho chị L vay tổng số tiền là 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng) vào tài khoản số 103867460260 tại Ngân hàng TMCP Công thương - chi nhánh P; chủ tài khoản là Nguyễn Thị L. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 1.200đ/01 triệu/01 ngày; thời hạn trả sau 05 đến 10 ngày của tùy mỗi món vay sẽ thanh toán gốc và lãi cho chị.

Cụ thể những lần chuyển tiền:

- Ngày 06/11/2020 chuyển khoản 450.000.000đ;

- Ngày 12/11/2020 chuyển khoản 700.000.000đ;
 - Ngày 17/11/2020 chuyển khoản 120.000.000đ;
 - Ngày 18/11/2020 chuyển khoản 240.000.000đ;
- => Tổng cộng là 1.510.000.000đ. (Một tỷ, năm trăm mười triệu đồng)

Chị L đã trả gốc là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) và 70.000.000đ tiền lãi. Số tiền gốc chị L còn nợ là 1.410.000.000đ. (Một tỷ, bốn trăm mười triệu đồng).

Ngày 24/02/2021 chị làm đơn xin rút đơn tố cáo tại Công an. Ngày 08/3/2021 chị nhận được Thông báo 08 ngày 08/3/2021 của Cơ quan công an về việc “Không khởi tố vụ án hình sự” nhưng chị L không thực hiện việc trả nợ, mặc dù chị đã đòi rất nhiều lần. Do chị L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vì vậy chị khởi kiện đề nghị Tòa án buộc chị Nguyễn Thị L phải trả cho chị toàn bộ số tiền gốc là 1.410.000.000đ (Một tỷ, bốn trăm mười triệu đồng) và lãi suất theo quy định định của Bộ luật dân sự 2015 là 20%/01 năm tính từ tháng 12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị Nguyễn Thị L theo đúng quy định của pháp luật nhưng chị L không đến Tòa án làm việc, do vậy Tòa án đã không lấy được lời khai của chị L. Để vụ án được giải quyết khách quan, ngoài các tài liệu nguyên đơn cung cấp, Tòa án đã tiến hành thu thập các tài liệu, chứng liên quan tại Cơ quan điều tra Công an tỉnh P và Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam - Chi nhánh P và được thể hiện như sau:

* Tại Công văn số: 567B/CV-CNPT-DVKH ngày 22/11/2021 của Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam - Chi nhánh P cung cấp:

“1. Thông tin chi tiết của chủ tài khoản “108006357524”

- Họ tên: LÊ THỊ THÙY D
- Số CMND: 131239334; ngày cấp 10/6/2014; nơi cấp: Công an tỉnh P
- Địa chỉ: Tổ 12, phường Thọ Sơn, thành phố V, tỉnh P

2. Thông tin chi tiết của chủ tài khoản “103867460260”

- Họ tên: NGUYỄN THỊ L
- Số CMND: 132446443; ngày cấp 10/4/2017; nơi cấp: Công an tỉnh P
- Địa chỉ: Trưng Vương, thành phố V, tỉnh P

3. Trong thời gian từ ngày 01/11/2020 đến ngày 30/11/2020 khách hàng Lê Thị Thùy D có thực hiện giao dịch chuyển tiền qua tài khoản 108006357524 với tài khoản của khách hàng Nguyễn Thị L, số tài khoản 103867460260, (thông tin chi tiết theo bản kê đính kèm). Tại bảng kê chi tiết thể hiện rất nhiều các thông tin giao dịch, trong đó có các thông tin phù hợp với lời khai của chị D như sau:

- Ngày 06/11/2020 chuyển khoản 450.000.000đ;
- Ngày 12/11/2020 chuyển khoản 700.000.000đ;
- Ngày 17/11/2020 chuyển khoản 120.000.000đ;
- Ngày 18/11/2020 chuyển khoản 240.000.000đ”.

* Căn cứ vào các tài liệu tại Cơ quan điều tra Công an tỉnh P thể hiện lời khai của của chị Nguyễn Thị L như sau:

Tại Bản tự khai ngày 03/02/2021 chị Nguyễn Thị L khai: Chị khẳng định từ trước đến nay chị không mua bán nhà đất gì với chị D. Mà chị chỉ có vay tiền của

chị D. Cụ thể: Chị còn nợ 1.660.000.000đ (Một tỷ, sáu trăm sáu mươi triệu đồng). Chị đã trả lãi cho chị D 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng). Với số tiền nợ còn lại chị cam kết trả đủ và trả dần đến khi hết theo quy định hàng tháng hai bên thỏa thuận.

Tòa án đã ra Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào hòa giải nhưng chị D đã có đơn từ chối nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa chị D thay đổi yêu cầu khởi kiện vì chị cho rằng do chị không hiểu biết pháp luật nên giữa chị và chị L đã thỏa thuận khoản tiền lãi là 1.200đ/01 triệu/ngày tương ứng với 43,8%/năm, như vậy so với quy định của Bộ luật dân sự là cao, nên khoản tiền lãi 70.000.000đ mà chị L trả cho chị, chị sẽ tính cho chị L lãi suất là 20%/năm tương ứng với số tiền 31.963.470đ, số tiền này được tính vào lãi, còn khoản tiền vượt quá 20%/năm là 23,8% tương ứng với số tiền 38.036.530đ chị sẽ trừ vào gốc của khoản vay 1.410.000.000đ cho chị L. Như vậy, khoản tiền gốc chị yêu cầu chị L phải trả là 1.371.963.470đ và khoản tiền lãi tính từ tháng 12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 18/02/2022 là 14 tháng 18 ngày là 333.844.445đ. Tổng cả gốc và lãi là: 1.705.807.915đ.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ L vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn là chị Nguyễn Thị L phải trả cho chị Lê Thị Thùy D số tiền gốc là 1.371.963.470đ và khoản tiền lãi tính từ tháng 12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 18/02/2022 là 14 tháng 18 ngày là 333.844.445đ. Tổng cả gốc và lãi là: 1.705.807.915đ; Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của chị D được chấp nhận nên chị L phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Chị D được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết xác định: Đây là “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” giữa nguyên đơn chị Lê Thị Thùy D và bị đơn chị Nguyễn Thị L. Chị L có địa chỉ tại: Đội 12, xã Trung Vương, thành phố V, tỉnh P. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P là đúng quy định pháp luật.

Bị đơn chị Nguyễn Thị L đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị L.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Chị D khởi kiện yêu cầu chị L phải trả cho chị D số tiền gốc là 1.410.000.000đ, đến ngày xét xử sơ thẩm chị D thay đổi yêu cầu khởi kiện với L do chị cho rằng khoản tiền lãi 70.000.000đ mà chị L trả cho chị là do chị không hiểu biết pháp luật nên đã tính lãi là 1.200đ/1 triệu/ngày tương đương với lãi suất 43,8%/năm, như vậy là cao so với quy định pháp luật, nên khoản tiền lãi 70.000.000đ này chị sẽ tính lãi cho chị L là 20%/năm, còn phần vượt quá 20%/năm chị sẽ trừ vào khoản tiền gốc 1.410.000.000đ cho chị L. Khoản tiền lãi 20%/năm tương đương với số tiền 31.963.470đ, còn khoản tiền vượt quá 20%/năm là 23,8%/năm tương đương với số tiền 38.036.530đ được trừ vào số tiền gốc 1.410.000.000đ. Vì vậy, số tiền gốc chị D yêu cầu chị L phải trả còn lại là 1.371.963.470đ. Xét thấy, chị L vay tiền của chị D nhưng đến hạn không trả, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình thì chị D có quyền khởi kiện yêu cầu chị L phải trả cho chị là đúng, tại phiên tòa theo quy định của pháp luật chị D có quyền thay đổi yêu cầu khởi kiện của mình nhưng sự thay đổi này chỉ được chấp nhận khi không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu. Việc chị D thay đổi yêu cầu khởi kiện của mình tại phiên tòa là sự tự nguyện của chị D, sự thay đổi này không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu và có lợi cho chị L. Tại Điều 9 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định: *“Xử L thỏa thuận về lãi, lãi suất cao hơn mức lãi, lãi suất được pháp luật quy định Hợp đồng vay tài sản có thỏa thuận về lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn cao hơn mức lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn vượt quá không có hiệu lực; số tiền lãi đã trả vượt quá mức lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn quy định được trừ vào số tiền nợ gốc tại thời điểm trả lãi; số tiền lãi đã trả vượt quá còn lại sau khi đã trừ hết nợ gốc thì được trả lại cho bên vay”*. Căn cứ vào quy định này thì việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của chị L là phù hợp với quy định của pháp luật được chấp nhận. Do vậy, số tiền 70.000.000đ tiền lãi này được trừ 38.036.530đ vào gốc, còn 31.963.470đ là khoản tiền lãi chị L đã trả cho chị D. Cho nên, số tiền gốc còn lại chị D khởi kiện yêu cầu chị L phải trả là 1.371.963.470đ để Hội đồng xét xử xem xét trong vụ án này.

[2.2]. Căn cứ vào các lời khai của chị Nguyễn Thị L tại cơ quan điều tra - Công an tỉnh P thì đến thời điểm hiện tại chị L còn nợ chị D tổng số tiền là 1.660.000.000đ. Lời khai của chị D còn phù hợp với Bảng kê do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh tỉnh P cung cấp thì trong khoảng thời gian từ ngày 01/11/2020 đến ngày 30/11/2020 chị D có thực hiện giao dịch chuyển tiền qua tài khoản cho chị L tổng số tiền là 1.510.000.000đ. Như vậy là có căn cứ khẳng định chị L có vay tiền của chị D và số tiền 1.371.963.470đ này nằm trong khoản tiền 1.660.000.000đ mà chị L còn nợ chị D. Về thời hạn vay, chị D khai rằng hai bên

thỏa thuận thời hạn trả sau 05 đến 10 ngày tùy mỗi món vay sẽ thanh toán gốc và lãi cho chị. Các lần vay cụ thể là ngày 06/11/2020 chuyển khoản 450.000.000đ; ngày 12/11/2020 chuyển khoản 700.000.000đ; ngày 17/11/2020 chuyển khoản 120.000.000đ; ngày 18/11/2020 chuyển khoản 240.000.000đ”. Như vậy, tính đến thời điểm khởi kiện thì các khoản vay trên đều đã quá hạn trả nợ, nên chị D khởi kiện yêu cầu chị L phải trả khoản tiền gốc còn nợ 1.371.963.470đ là có căn cứ được chấp nhận.

[2.3]. Về khoản tiền lãi: Chị D và chị L đều khai hai bên thỏa thuận lãi suất là 1.200đ/01 triệu/01 ngày, như vậy trong các khoản vay này hai bên có thỏa thuận về lãi suất, nhưng với mức lãi suất 1.200đ/01 triệu/01 ngày tương đương với 43,8%/năm là cao so với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, khi khởi kiện chị D đã thay đổi về cách tính lãi suất và yêu cầu chị L phải trả cho chị lãi suất là 20%/năm trên tổng số tiền gốc 1.371.963.470đ tính từ tháng 12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 18/02/2022 là 14 tháng 18 ngày với tổng số tiền lãi là 333.844.445đ. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 468 và khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định thì giữa chị D và chị L có thỏa thuận vay tiền từ tháng 11/2020 và hai bên có thỏa thuận về lãi nên lãi suất được áp dụng mức lãi suất là 20%/năm là phù hợp. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị D buộc chị L phải trả lãi từ tháng 12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 18/02/2022 là 14 tháng 18 ngày với tổng số tiền lãi là 333.844.445đ là có căn cứ được chấp nhận.

[3]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của chị D được chấp nhận nên chị L phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Chị D được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

[5]. Xét đề nghị của Viện kiểm sát về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, được chấp nhận.

V× c, c lĩ trªn;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 280, 357, 463, 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thùy D đối với chị Nguyễn Thị L về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

- Buộc chị Nguyễn Thị L phải trả cho chị Lê Thị Thùy D số tiền gốc là 1.371.963.470đ (*Một tỷ, ba trăm bảy mươi một triệu, chín trăm sáu mươi ba nghìn, bốn trăm bảy mươi đồng*); tiền lãi tính từ tháng 12/2020 đến ngày 18/02/2022 là 14 tháng 18 ngày là 333.844.445đ. Tổng cả gốc và lãi là 1.705.807.915đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 63.174.237đ (*Sáu mươi ba triệu, một trăm bảy mươi tư nghìn, hai trăm ba mươi bảy đồng*).

Chị Lê Thị Thùy D được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 30.675.000đ (*Ba mươi triệu, sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2020/0009652 ngày 05/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh P.

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh P;
- VKSND TP. V, T. P;
- Chi cục THADS TP. V, T. P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Anh TT

